

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

Họ, tên thí sinh:..... SBD: .....

**Câu 1:** Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đường  $y = x\sqrt{x^2 + 1}$ ;  $x = 1$  và trục  $Ox$ .

A.  $\frac{3\sqrt{2}-1}{5}$

B.  $\frac{5-\sqrt{2}}{6}$

C.  $\frac{2\sqrt{2}-1}{3}$

D.  $\frac{5-2\sqrt{2}}{3}$

**Câu 2:** Tìm tập giá trị của hàm số  $y = \sin x$

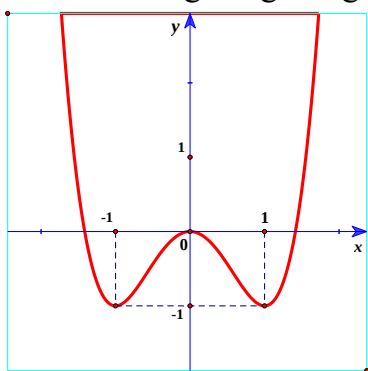
A.  $[0;1]$

B.  $\mathbb{R}$

C.  $[-1;0]$

D.  $[-1;1]$

**Câu 3:** Đường cong trong hình sau là đồ thị của hàm số nào dưới đây?



A.  $y = -x^4 + 2x^2$ .

B.  $y = x^4 - 3x^2 + 1$ .

C.  $y = x^4 + 2x^2$ .

D.  $y = x^4 - 2x^2$ .

**Câu 4:** Cho hàm số  $f(x)$  liên tục trên  $\mathbb{R}$  và  $f(2) = 16$ ,  $\int_0^2 f(x)dx = 8$ . Tính  $I = \int_0^1 x.f'(2x)dx$ .

A. 6

B. 4

C. 12

D. 7

**Câu 5:** Cho hình chóp  $S.ABC$  có  $SA \perp (ABC)$  và  $\triangle ABC$  vuông ở  $B$ . Gọi  $AH$  là đường cao của  $\triangle SAB$ . Khẳng định nào sau đây sai?

A.  $SA \perp BC$

B.  $AH \perp AC$

C.  $AH \perp BC$

D.  $AH \perp SC$

**Câu 6:** Cho hình lăng trụ  $ABC.A'B'C'$  có đáy là tam giác đều cạnh  $a$ . Hình chiếu vuông góc của điểm  $A'$  trên mặt phẳng  $(ABC)$  trùng với trọng tâm tam giác  $ABC$ . Biết khoảng cách giữa hai

đường thẳng  $AA'$  và  $BC$  bằng  $\frac{a\sqrt{3}}{4}$ . Tính thể tích  $V$  của khối lăng trụ đó

A.  $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{12}$

B.  $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{6}$

C.  $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{3}$

D.  $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{24}$

**Câu 7:** Giải phương trình  $\sin x = 0$  ta được nghiệm là

A.  $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

B.  $x = k2\pi$

C.  $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

D.  $x = k\pi$

**Câu 8:** Nếu hàm số  $y = f(x)$  liên tục trên đoạn  $[a; b]$  thì diện tích  $S$  của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số  $y = f(x)$ , trục hoành và hai đường thẳng  $x = a$ ,  $x = b$  là

A.  $S = \int_b^a |f(x)| dx$

B.  $S = \int_a^b |f(x) - g(x)| dx$

C.  $S = \int_a^b |f(x)| dx$

D.  $S = \int_a^b f(x) dx$

**Câu 9:** Trong không gian với hệ tọa độ  $Oxyz$ , cho mặt phẳng  $(P) : 3x + 4y + 2z + 4 = 0$  và điểm  $M(1; -2; 3)$ . Tính khoảng cách  $d$  từ  $M$  đến  $(P)$

A.  $d = \frac{5}{\sqrt{29}}$

B.  $d = \frac{5}{29}$

C.  $d = \frac{\sqrt{5}}{3}$

D.  $d = \frac{5}{9}$

**Câu 10:** Biết đường thẳng  $y = ax + b$  tiếp xúc với đồ thị hàm số  $y = x^3 + 2x^2 - x + 2$  tại điểm  $M(1; 0)$ . Tính giá trị biểu thức  $ab$

A.  $ab = -6$ .

B.  $ab = 36$ .

C.  $ab = -5$ .

D.  $ab = -36$ .

**Câu 11:** Biết tích phân  $\int_0^1 x \sqrt[3]{1-x} dx = \frac{M}{N}$ , với  $\frac{M}{N}$  là phân số tối giản. Tính  $M + N$

A. 36

B. 38

C. 37

D. 35

**Câu 12:** Tìm tất cả các giá trị  $m$  để phương trình  $3\sin x + (m-1)\cos x - 5 = 0$  có nghiệm.

A.  $m < -3$  hoặc  $m > 5$

B.  $-3 < m < 5$

C.  $m \leq -3$  hoặc  $m \geq 5$

D.  $-3 \leq m \leq 5$

**Câu 13:** Giải phương trình  $\log_2(1-x) = 2$

A.  $x = -4$

B.  $x = 3$

C.  $x = -3$

D.  $x = 5$

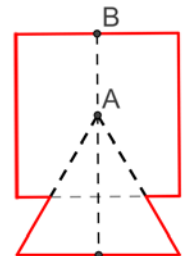
**Câu 14:** Trong mặt phẳng  $(P)$  cho tam giác đều và hình vuông cùng có độ dài cạnh bằng 4 được xếp chồng lên nhau sao cho một đỉnh của tam giác trùng với tâm của hình vuông, trục của tam giác trùng với trục của hình vuông (như hình bên). Thể tích của vật thể tròn xoay tạo thành khi quay mô hình trên quanh trục  $AB$  bằng

A.  $\frac{136\pi + 24\pi\sqrt{3}}{9}$ .

B.  $\frac{48\pi + 7\pi\sqrt{3}}{3}$ .

C.  $\frac{128\pi + 24\pi\sqrt{3}}{9}$ .

D.  $\frac{144\pi + 24\pi\sqrt{3}}{9}$ .



**Câu 15:** Hàm số  $y = \cos x$  có đạo hàm là

A.  $y' = \sin x$

B.  $y' = \tan x$

C.  $y' = \frac{1}{\sin x}$

D.  $y' = -\sin x$

**Câu 16:** Cho hàm số  $y = f(x)$  có bảng biến thiên như sau

|      |           |   |   |   |    |   |           |
|------|-----------|---|---|---|----|---|-----------|
| $x$  | $-\infty$ |   | 2 |   | 4  |   | $+\infty$ |
| $y'$ |           | + | 0 | - | 0  | + |           |
| $y$  | $-\infty$ |   | 3 |   | -2 |   | $+\infty$ |

Hàm số  $y = f(x)$  đạt cực tiểu tại điểm

A.  $x = 2$ .

B.  $x = 3$ .

C.  $x = 4$ .

D.  $x = -2$ .

**Câu 17:** Tìm đạo hàm của hàm số  $y = \frac{x+1}{4^x}$

A.  $y' = \frac{1+2(x+1)\ln 2}{2^{2x}}$

B.  $y' = \frac{1+2(x+1)\ln 2}{2^{x^2}}$

C.  $y' = \frac{1-2(x+1)\ln 2}{2^{2x}}$

D.  $y' = \frac{1-2(x+1)\ln 2}{2^{x^2}}$

**Câu 18:** Cho hàm số  $y = \frac{\sqrt{4x^2 - x + 1} - x}{x + 1}$ . Tiệm cận ngang của đồ thị hàm số có phương trình là

A.  $y = 2, y = -2$ .

B.  $y = 2$ .

C.  $y = -1$ .

D.  $y = 1, y = -3$ .

**Câu 19:** Thể tích  $V$  của khối lăng trụ có chiều cao bằng  $h$  và diện tích đáy bằng  $B$  là

A.  $V = \frac{1}{3}Bh$

B.  $V = Bh$

C.  $V = \frac{1}{6}Bh$

D.  $V = \frac{1}{2}Bh$

**Câu 20:** Cho hình nón có diện tích xung quanh bằng  $3\pi a^2$  và bán kính đáy bằng  $a$ . Tính độ dài đường sinh  $l$  của hình nón đã cho

A.  $l = 3a$

B.  $l = \frac{a\sqrt{5}}{2}$

C.  $l = \frac{3a}{2}$

D.  $l = 2\sqrt{2}a$

**Câu 21:** Cho hình hộp chữ nhật  $ABCD.A'B'C'D'$  có  $AB = a, AD = a\sqrt{3}$ . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  $BB'$  và  $AC'$ .

A.  $\frac{a\sqrt{2}}{2}$ .

B.  $a\sqrt{3}$ .

C.  $\frac{a\sqrt{3}}{2}$ .

D.  $\frac{a\sqrt{3}}{4}$ .

**Câu 22:** Cho hình chóp tam giác đều  $S.ABC$  có cạnh đáy bằng  $a$ . Góc giữa mặt bên và mặt đáy bằng  $60^\circ$ . Khoảng cách từ điểm  $A$  đến mặt phẳng  $(SBC)$  bằng.

A.  $\frac{3a}{4}$ .

B.  $\frac{a}{4}$ .

C.  $\frac{a}{2}$ .

D.  $\frac{3a}{2}$ .

**Câu 23:** Có bao nhiêu giá trị nguyên của tham số  $m$  sao cho hàm số  $y = (m-3)x - (2m+1)\cos x$  luôn nghịch biến trên  $R$ ?

A. vô số

B. 1

C. 3

D. 5

**Câu 24:** Trong không gian cho đường thẳng  $\Delta$  và mp  $(P)$ , đường thẳng  $\Delta$  song song với mp  $(P)$  nếu:

A.  $\Delta$  không nằm trong mp  $(P)$  và  $\Delta$  song song với một đường thẳng nằm trong mp  $(P)$

B.  $\Delta$  song song với hai đường thẳng cắt nhau nằm trong mp  $(P)$

C.  $\Delta$  không nằm trong mp  $(P)$

D.  $\Delta$  song song với mọi đường thẳng nằm trong mp  $(P)$

**Câu 25:** Cho hình chóp tứ giác đều  $S.ABCD$  có tất cả các cạnh bằng  $a$ . Gọi  $M$  là trung điểm  $SC$ . Tính  $\cos \varphi$  với  $\varphi$  là góc giữa hai đường thẳng  $BM$  và  $AC$ .

A.  $\cos \varphi = \frac{\sqrt{6}}{6}$

B.  $\cos \varphi = \frac{\sqrt{6}}{4}$

C.  $\cos \varphi = \frac{\sqrt{6}}{12}$

D.  $\cos \varphi = \frac{\sqrt{6}}{3}$

**Câu 26:** Cho  $a$  là số thực dương và khác 1. Mệnh đề nào sau đây là sai?

A.  $\log_a \left( \frac{x}{y} \right) = \log_a x - \log_a y, \forall x > 0, y > 0$ .

B.  $\log_a (x.y) = \log_a x + \log_a y, \forall x > 0, y > 0$ .

C.  $\log_a x^2 = \frac{1}{2} \log_a x, \forall x > 0$ .

D.  $\log a = \frac{1}{\log_a 10}$ .

**Câu 27:** Tập nghiệm  $S$  của phương trình  $4^x - 5 \cdot 2^x + 6 = 0$  là:

- A.  $S = \{1; \log_3 2\}$       B.  $S = \{1; 6\}$       C.  $S = \{2; 3\}$       D.  $S = \{1; \log_2 3\}$

**Câu 28:** Cho hàm số  $y = f(x)$  xác định trên  $\mathbb{R}$  và có bảng biến thiên như sau:

|      |           |            |      |            |     |            |           |
|------|-----------|------------|------|------------|-----|------------|-----------|
| $x$  | $-\infty$ | $0$        | $2$  | $+\infty$  |     |            |           |
| $y'$ |           | $-$        | $0$  | $+$        | $0$ | $-$        |           |
| $y$  | $+\infty$ | $\searrow$ | $-1$ | $\nearrow$ | $3$ | $\searrow$ | $-\infty$ |

Tìm tập hợp tất cả các giá trị của tham số  $m$  sao cho phương trình  $f(x) = 3m$  có ba nghiệm thực phân biệt ?

- A.  $[-1; 3]$ .      B.  $(-1; 3)$ .      C.  $\left(-\frac{1}{3}; 1\right)$ .      D.  $\left[-\frac{1}{3}; 1\right]$ .

**Câu 29:** Cho hình chóp  $S.ABC$  có đáy là tam giác đều cạnh  $a$ ,  $SA = SB = SC = b$ . Xét mặt phẳng  $(P)$  đi qua  $A$  và vuông góc với  $SC$ . Tìm hệ thức liên hệ giữa  $a$  và  $b$  để  $(P)$  cắt  $SC$  tại điểm  $C_1$  nằm giữa  $S$  và  $C$  ?

- A.  $b^2 > 2a^2$       B.  $a^2 \leq 2b^2$       C.  $a^2 < 2b^2$       D.  $b^2 < 2a^2$

**Câu 30:** Cho tập hợp  $M$  có 12 phần tử. Số tập con gồm 2 phần tử của  $M$  là:

- A. 144      B. 24      C. 66      D. 132

**Câu 31:** Cho  $\log_a b = 2$  và  $\log_a c = 3$ . Tính  $P = \log_a (b^2 c^3)$  ?

- A.  $P = 31$       B.  $P = 13$       C.  $P = 30$       D.  $P = 108$

**Câu 32:** Tích phân  $I = \int_1^3 \frac{dx}{x+5}$  bằng:

- A.  $\log \frac{4}{3}$       B.  $\ln \frac{4}{3}$       C.  $\frac{7}{25}$       D.  $\frac{1}{3}$

**Câu 33:** Tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn bằng  $\frac{1}{4}$ , tổng ba số hạng đầu tiên của cấp số nhân đó bằng  $\frac{7}{27}$ . Tổng của số hạng đầu và công bội của cấp số nhân đó bằng:

- A. 0.      B.  $\frac{2}{3}$ .      C.  $\frac{1}{3}$ .      D.  $\frac{1}{9}$ .

**Câu 34:** Trong không gian với hệ tọa độ  $Oxyz$  cho  $A(2, -3, 0)$  và mặt phẳng  $(\alpha): x + 2y - z + 3 = 0$ . Tìm phương trình của mặt phẳng  $(P)$  đi qua  $A$  sao cho  $(P)$  vuông góc với  $(\alpha)$  và  $(P)$  song song với trục  $Oz$  ?

- A.  $y + 2z + 3 = 0$ .      B.  $2x + y - 1 = 0$ .      C.  $x + 2y - z + 4 = 0$ .      D.  $2x - y - 7 = 0$ .

**Câu 35:**  $\lim_{x \rightarrow -\infty} \frac{2x-1}{x+2}$  bằng :

- A. 2.      B. 1.      C.  $-\frac{1}{2}$ .      D. -2.

**Câu 36:** Cho hình chóp tứ giác đều  $S.ABCD$  có tất cả các cạnh bằng 1. Tính bán kính mặt cầu nội tiếp hình chóp đều đó ?

- A.  $\frac{\sqrt{2}}{2}$ .      B.  $\frac{\sqrt{2}}{2(1+\sqrt{3})}$ .      C.  $\frac{\sqrt{3}}{2(1+\sqrt{3})}$ .      D.  $\frac{\sqrt{3}}{4(1+\sqrt{3})}$ .

**Câu 37:** Biết trên khoảng  $(-\infty; 0)$  hàm số  $y = (x+1)^2 [(a+1)x^2 + (2a+2)x - a + b] - 8a - 4b$  đạt giá trị lớn nhất khi  $x = -3$ . Hỏi trên đoạn  $\left[\frac{1}{2}; 3\right]$  thì hàm số đó có giá trị lớn nhất tại điểm  $x_0$  nào?

- A.  $x_0 = 2$                       B.  $x_0 = \frac{1}{2}$                       C.  $x_0 = 3$                       D.  $x_0 = 1$

**Câu 38:** Gọi  $T$  là tập hợp tất cả giá trị của tham số  $m$  để hàm số  $y = \frac{mx+1}{x+m^2}$  có giá trị lớn nhất trên đoạn  $[2; 3]$  bằng  $\frac{5}{6}$ . Tính tổng  $S$  của các phần tử trong  $T$ .

- A.  $S = \frac{18}{5}$ .                      B.  $S = \frac{17}{5}$ .                      C.  $S = 6$ .                      D.  $S = 2$ .

**Câu 39:** Biết tổng tất cả các hệ số trong khai triển  $\left(3x^4 - \frac{1}{x}\right)^n$  bằng 1024. Hệ số của số hạng chứa  $x^5$  trong khai triển đó bằng:

- A. 1080                      B. -120                      C. -1080                      D. -3240

**Câu 40:** Cho hình chóp  $S.ABC$  có đáy  $ABC$  là tam giác vuông cân tại  $B$ ,  $AC = a\sqrt{2}$ . Gọi  $M$  là trung điểm của  $AC$ ,  $G$  là trọng tâm  $ABC$ , biết  $SG = 2a$  và  $SG$  vuông góc với mặt phẳng  $(ABC)$ . Sin của góc giữa đường thẳng  $BM$  và mặt phẳng  $(SBC)$  bằng:

- A.  $\frac{\sqrt{74}}{74}$ .                      B.  $\frac{3\sqrt{74}}{74}$ .                      C.  $\frac{\sqrt{2}}{2}$ .                      D.  $\frac{3\sqrt{74}}{37}$ .

**Câu 41:** Trong không gian với hệ tọa độ  $Oxyz$ , điểm  $M(1; -2; 4)$  thuộc mặt phẳng  $(P)$  có phương trình nào sau đây?

- A.  $3x + 2y + 4 = 0$                       B.  $x + 2y + 3 = 0$                       C.  $x + 2y - 4 = 0$                       D.  $3x - 2y + 3 = 0$

**Câu 42:** Một kỹ sư được nhận mức lương khởi điểm là 8.000.000 đồng /tháng. Biết cứ sau hai năm thì mức lương của kỹ sư đó được tăng thêm 10%. Tính tổng số tiền  $T$  (đồng) mà kỹ sư đó nhận được sau 10 năm làm việc, (kết quả làm tròn đến hàng nghìn).

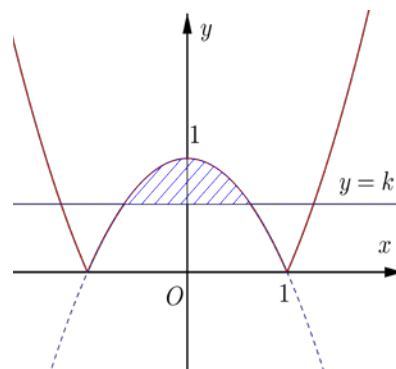
- A. 633.600.000                      B. 1.172.179.000                      C. 1.529.993.000                      D. 3.059.985.000

**Câu 43:** Giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = 3x + \frac{4}{x^2}$  trên khoảng  $(0; +\infty)$  bằng

- A.  $3\sqrt[3]{9}$                       B.  $2\sqrt[3]{9}$                       C.  $\frac{33}{5}$                       D.  $\frac{25}{4}$

**Câu 44:** Cho hình phẳng  $(H)$  giới hạn bởi các đường  $y = |x^2 - 1|$  và  $y = k, 0 < k < 1$ . Tìm  $k$  để diện tích của hình phẳng  $(H)$  gấp hai lần diện tích hình phẳng được kẻ sọc hình vẽ bên.

- A.  $k = \sqrt[3]{4} - 1$ .                      B.  $k = \frac{1}{2}$ .  
C.  $k = \sqrt[3]{4}$ .                      D.  $k = \sqrt[3]{2} - 1$ .



**Câu 45:** Trong không gian với hệ trục tọa độ  $Oxyz$  cho tứ diện  $ABCD$  có điểm  $A(1; 1; 1)$ ,  $B(2; 0; 2)$ ,  $C(-1; -1; 0)$ ,  $D(0; 3; 4)$ . Trên các cạnh  $AB, AC, AD$  lần lượt lấy các điểm  $B', C', D'$  thỏa mãn

$\frac{AB}{AB'} + \frac{AC}{AC'} + \frac{AD}{AD'} = 4$ . Viết phương trình mặt phẳng  $(B'C'D')$  biết tứ diện  $AB'C'D'$  có thể tích nhỏ nhất ?.

A.  $16x + 40y - 44z + 39 = 0$ .

B.  $16x + 40y + 44z - 115 = 0$ .

C.  $16x + 40y + 44z + 39 = 0$ .

D.  $16x + 40y - 44z - 39 = 0$ .

**Câu 46:** Cho ba số dương  $a, b, c$  theo thứ tự lập thành cấp số cộng. Giá trị lớn nhất của biểu

thức  $P = \frac{\sqrt{a^2 + 8bc} + 3}{\sqrt{a^2 + 2ac + 4bc + 2c^2} + 1}$  có dạng  $x\sqrt{y}$  ( $x, y \in \mathbb{N}$ ). Hỏi  $x + y$  bằng bao nhiêu?

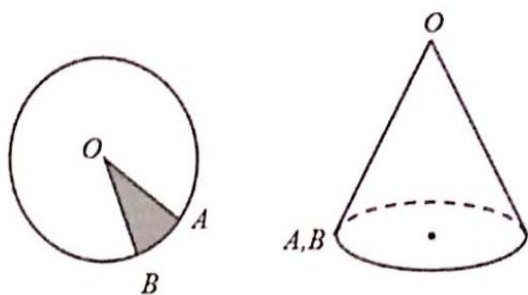
A. 10

B. 11

C. 20

D. 13

**Câu 47:** Cho một miếng tôn hình tròn tâm  $O$  bán kính  $R$ . Cắt bớt từ miếng tôn một hình quạt  $OAB$  và gò phần còn lại thành một hình nón đỉnh  $O$  không đáy ( $OA$  trùng với  $OB$ ), (hình dưới). Gọi  $S, S'$  lần lượt là diện tích của miếng tôn ban đầu và diện tích của miếng tôn còn lại sau khi cắt bớt.



Tìm tỉ số  $\frac{S'}{S}$  để thể tích khối nón là lớn nhất ?.

A.  $\frac{S'}{S} = \frac{1}{4}$ .

B.  $\frac{S'}{S} = \frac{\sqrt{6}}{3}$ .

C.  $\frac{S'}{S} = \frac{\sqrt{2}}{3}$ .

D.  $\frac{S'}{S} = \frac{\sqrt{6}}{2}$ .

**Câu 48:** Cho hàm số  $y = f(x)$  có bảng biến thiên như sau:

|         |           |           |           |
|---------|-----------|-----------|-----------|
| $x$     | $-\infty$ | $1$       | $+\infty$ |
| $y'(x)$ | +         |           | +         |
| $y$     | $2$       | $+\infty$ | $2$       |

Hàm số  $y = f(x)$  đồng biến trên khoảng nào dưới đây ?

A.  $(-2; +\infty)$ .

B.  $(-\infty; 1)$  và  $(1; +\infty)$ .

C.  $(-\infty; +\infty)$ .

D.  $(-\infty; 2)$  và  $(2; +\infty)$ .

**Câu 49:** Một tổ học sinh gồm có 4 bạn nam và 6 bạn nữ. Giáo viên gọi ngẫu nhiên hai học sinh của tổ đó lên bảng làm bài tập. Tính xác suất để hai bạn lên bảng có cả nam và nữ ?.

A.  $\frac{4}{15}$

B.  $\frac{8}{15}$

C.  $\frac{1}{5}$

D.  $\frac{2}{9}$

**Câu 50:** Đồ thị hàm số nào sau đây không có tiệm cận đứng ?

A.  $y = \frac{3x-1}{x^2-2x+5}$ .

B.  $y = \frac{-1}{x^3+1}$ .

C.  $y = \frac{\sqrt{x+3}}{x+2}$ .

D.  $y = \frac{1}{x}$ .

----- HẾT -----

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG MÔN TOÁN LỚP 12 LẦN II,**  
**NĂM HỌC 2017 - 2018**

| <b>Mã đề: 132</b> |          | <b>Mã đề : 209</b> |          | <b>Mã đề: 357</b> |          | <b>Mã đề: 485</b> |          | <b>Mã đề: 570</b> |          | <b>Mã đề: 628</b> |          |
|-------------------|----------|--------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| 1                 | <b>C</b> | 1                  | <b>D</b> | 1                 | <b>C</b> | 1                 | <b>C</b> | 1                 | <b>B</b> | 1                 | <b>D</b> |
| 2                 | <b>D</b> | 2                  | <b>C</b> | 2                 | <b>D</b> | 2                 | <b>D</b> | 2                 | <b>D</b> | 2                 | <b>C</b> |
| 3                 | <b>D</b> | 3                  | <b>A</b> | 3                 | <b>A</b> | 3                 | <b>B</b> | 3                 | <b>A</b> | 3                 | <b>A</b> |
| 4                 | <b>A</b> | 4                  | <b>B</b> | 4                 | <b>A</b> | 4                 | <b>B</b> | 4                 | <b>A</b> | 4                 | <b>B</b> |
| 5                 | <b>B</b> | 5                  | <b>C</b> | 5                 | <b>A</b> | 5                 | <b>B</b> | 5                 | <b>A</b> | 5                 | <b>A</b> |
| 6                 | <b>A</b> | 6                  | <b>A</b> | 6                 | <b>D</b> | 6                 | <b>B</b> | 6                 | <b>A</b> | 6                 | <b>A</b> |
| 7                 | <b>D</b> | 7                  | <b>A</b> | 7                 | <b>A</b> | 7                 | <b>C</b> | 7                 | <b>C</b> | 7                 | <b>A</b> |
| 8                 | <b>C</b> | 8                  | <b>B</b> | 8                 | <b>D</b> | 8                 | <b>D</b> | 8                 | <b>C</b> | 8                 | <b>C</b> |
| 9                 | <b>A</b> | 9                  | <b>D</b> | 9                 | <b>A</b> | 9                 | <b>A</b> | 9                 | <b>C</b> | 9                 | <b>B</b> |
| 10                | <b>D</b> | 10                 | <b>B</b> | 10                | <b>C</b> | 10                | <b>C</b> | 10                | <b>A</b> | 10                | <b>C</b> |
| 11                | <b>C</b> | 11                 | <b>A</b> | 11                | <b>C</b> | 11                | <b>A</b> | 11                | <b>C</b> | 11                | <b>C</b> |
| 12                | <b>C</b> | 12                 | <b>B</b> | 12                | <b>B</b> | 12                | <b>C</b> | 12                | <b>C</b> | 12                | <b>B</b> |
| 13                | <b>C</b> | 13                 | <b>A</b> | 13                | <b>D</b> | 13                | <b>C</b> | 13                | <b>B</b> | 13                | <b>D</b> |
| 14                | <b>A</b> | 14                 | <b>D</b> | 14                | <b>C</b> | 14                | <b>A</b> | 14                | <b>A</b> | 14                | <b>D</b> |
| 15                | <b>D</b> | 15                 | <b>C</b> | 15                | <b>B</b> | 15                | <b>B</b> | 15                | <b>B</b> | 15                | <b>B</b> |
| 16                | <b>C</b> | 16                 | <b>A</b> | 16                | <b>D</b> | 16                | <b>C</b> | 16                | <b>B</b> | 16                | <b>B</b> |
| 17                | <b>C</b> | 17                 | <b>A</b> | 17                | <b>A</b> | 17                | <b>B</b> | 17                | <b>A</b> | 17                | <b>C</b> |
| 18                | <b>D</b> | 18                 | <b>C</b> | 18                | <b>D</b> | 18                | <b>B</b> | 18                | <b>A</b> | 18                | <b>C</b> |
| 19                | <b>B</b> | 19                 | <b>B</b> | 19                | <b>B</b> | 19                | <b>D</b> | 19                | <b>A</b> | 19                | <b>C</b> |
| 20                | <b>A</b> | 20                 | <b>C</b> | 20                | <b>C</b> | 20                | <b>B</b> | 20                | <b>A</b> | 20                | <b>B</b> |
| 21                | <b>C</b> | 21                 | <b>D</b> | 21                | <b>A</b> | 21                | <b>A</b> | 21                | <b>D</b> | 21                | <b>C</b> |
| 22                | <b>A</b> | 22                 | <b>B</b> | 22                | <b>D</b> | 22                | <b>C</b> | 22                | <b>D</b> | 22                | <b>A</b> |
| 23                | <b>D</b> | 23                 | <b>C</b> | 23                | <b>C</b> | 23                | <b>A</b> | 23                | <b>D</b> | 23                | <b>D</b> |
| 24                | <b>A</b> | 24                 | <b>C</b> | 24                | <b>D</b> | 24                | <b>D</b> | 24                | <b>D</b> | 24                | <b>A</b> |
| 25                | <b>A</b> | 25                 | <b>A</b> | 25                | <b>D</b> | 25                | <b>D</b> | 25                | <b>A</b> | 25                | <b>A</b> |

| Mã đề: 132 |   | Mã đề : 209 |   | Mã đề: 357 |   | Mã đề: 485 |   | Mã đề: 570 |   | Mã đề: 628 |   |
|------------|---|-------------|---|------------|---|------------|---|------------|---|------------|---|
| 26         | C | 26          | C | 26         | C | 26         | A | 26         | B | 26         | D |
| 27         | D | 27          | C | 27         | A | 27         | B | 27         | C | 27         | D |
| 28         | C | 28          | B | 28         | A | 28         | D | 28         | D | 28         | A |
| 29         | C | 29          | A | 29         | D | 29         | C | 29         | D | 29         | B |
| 30         | C | 30          | B | 30         | D | 30         | D | 30         | B | 30         | D |
| 31         | B | 31          | D | 31         | B | 31         | B | 31         | B | 31         | B |
| 32         | B | 32          | D | 32         | B | 32         | D | 32         | B | 32         | D |
| 33         | A | 33          | A | 33         | B | 33         | B | 33         | C | 33         | D |
| 34         | D | 34          | A | 34         | B | 34         | C | 34         | A | 34         | B |
| 35         | A | 35          | B | 35         | B | 35         | A | 35         | B | 35         | B |
| 36         | B | 36          | C | 36         | A | 36         | A | 36         | B | 36         | A |
| 37         | D | 37          | B | 37         | D | 37         | C | 37         | D | 37         | C |
| 38         | B | 38          | D | 38         | C | 38         | D | 38         | C | 38         | B |
| 39         | D | 39          | C | 39         | A | 39         | C | 39         | D | 39         | A |
| 40         | D | 40          | B | 40         | C | 40         | A | 40         | D | 40         | C |
| 41         | B | 41          | B | 41         | A | 41         | A | 41         | B | 41         | A |
| 42         | B | 42          | A | 42         | C | 42         | C | 42         | C | 42         | B |
| 43         | A | 43          | C | 43         | C | 43         | C | 43         | C | 43         | C |
| 44         | A | 44          | B | 44         | C | 44         | D | 44         | C | 44         | D |
| 45         | A | 45          | D | 45         | D | 45         | D | 45         | C | 45         | D |
| 46         | B | 46          | D | 46         | D | 46         | C | 46         | C | 46         | D |
| 47         | B | 47          | D | 47         | B | 47         | A | 47         | B | 47         | D |
| 48         | B | 48          | B | 48         | B | 48         | B | 48         | D | 48         | D |
| 49         | B | 49          | D | 49         | B | 49         | D | 49         | D | 49         | A |
| 50         | A | 50          | D | 50         | B | 50         | A | 50         | C | 50         | C |